

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021  
của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức lại chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ, bổ sung kinh phí năm 2021 cho các cơ quan đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ kinh phí đào tạo năm 2021 cho các cơ quan đơn vị;

Căn cứ Thông báo số 129/TB-STC ngày 22/4/2021 của Sở Tài chính về thẩm tra kinh phí bổ sung năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang theo hình thức: công bố tại kỳ họp và đưa lên trang thông tin điện tử của Sở (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, thủ trưởng các phòng, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.



**Nguyễn Văn Hoàng**

Đơn vị: **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG**  
Chương: 416



Biểu số 1  
(Thông tư 61/TT-BTC  
ngày 15/6/2017 của Bộ Tài  
chính)

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**  
(Kèm theo Quyết định số **55** /QĐ-SCT ngày 26/4/2021 của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang)

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó	
				Văn phòng Sở	Trung tâm Khuyến công và TVPTCN
A	B	1	2	3	4
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	261.552.000	261.552.000	223.142.000	38.410.000
1	Chi quản lý hành chính	243.142.000	243.142.000	223.142.000	20.000.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	243.142.000	243.142.000	223.142.000	20.000.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.410.000	18.410.000		18.410.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.410.000	18.410.000		18.410.000